

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KH-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2020

KẾ HOẠCH

Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Lai Châu năm 2020

Thực hiện Quyết định số 2640/QĐ-BNV ngày 10/10/2017 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 243/QĐ-BNV ngày 03/04/2020 của Bộ Nội vụ ban hành kế hoạch đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2020, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (sau đây gọi tắt là đo lường sự hài lòng) năm 2020 nhằm nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đối với người dân, tổ chức; góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân, cải thiện môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp; nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cải cách hành chính và phát triển kinh tế xã hội của địa phương;

Việc triển khai đo lường sự hài lòng năm 2020 được thực hiện đúng tiến độ thời gian, hiệu quả, có chất lượng tốt.

2. Yêu cầu

Việc triển khai đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với cơ quan hành chính nhà nước phải đảm bảo khoa học, khách quan, trung thực, kết quả đánh giá của người dân, tổ chức về sự phục vụ của cơ quan hành chính

nhà nước trên địa bàn tỉnh thông qua việc cung ứng một số dịch vụ hành chính công;

Việc thực hiện Kế hoạch phải đúng nội dung, tiến độ; đạt kết quả, mục tiêu đề ra; bảo đảm tiết kiệm, phù hợp với nguồn lực được phân bổ;

Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình triển khai đảm bảo chặt chẽ, kịp thời, hiệu quả; quá trình triển khai phải được giám sát chặt chẽ nhằm đảm bảo kết quả các hoạt động chính xác, khách quan, có chất lượng;

Việc triển khai và kết quả phải được thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, dễ tiếp cận, dễ sử dụng đối với mọi đối tượng.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA

1. Phạm vi

Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Đối tượng

Đối tượng điều tra là người dân, người đại diện cho tổ chức đã trực tiếp giao dịch và nhận kết quả cung ứng dịch vụ hành chính công đối với các thủ tục hành chính được chọn khảo sát thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

III. NỘI DUNG ĐIỀU TRA

1. Tiếp cận dịch vụ hành chính công của cơ quan hành chính nhà nước

- Nơi ngồi chờ tại cơ quan giải quyết thủ tục hành chính/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có đủ chỗ ngồi.

- Trang thiết bị phục vụ người dân, tổ chức tại cơ quan giải quyết thủ tục hành chính/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đầy đủ.

- Trang thiết bị phục vụ người dân, tổ chức tại cơ quan giải quyết thủ tục hành chính/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại.

- Trang thiết bị phục vụ người dân, tổ chức tại cơ quan giải quyết thủ tục hành chính/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả dễ sử dụng.

2. Thủ tục hành chính

- Thủ tục hành chính được niêm yết công khai đầy đủ.

- Thủ tục hành chính được niêm yết công khai chính xác.
- Thành phần hồ sơ mà người dân, tổ chức phải nộp là đúng quy định.
- Phí/lệ phí mà người dân, tổ chức phải nộp là đúng quy định.
- Thời hạn giải quyết (tính từ ngày hồ sơ được tiếp nhận đến ngày nhận kết quả) là đúng quy định.

3. Công chức trực tiếp giải quyết công việc

- Công chức có thái độ giao tiếp lịch sự.
- Công chức chú ý lắng nghe ý kiến của người dân/đại diện tổ chức.
- Công chức trả lời, giải đáp đầy đủ các ý kiến của người dân/đại diện tổ chức.
- Công chức hướng dẫn kê khai hồ sơ tận tình, chu đáo.
- Công chức hướng dẫn hồ sơ dễ hiểu.
- Công chức tuân thủ đúng quy định trong giải quyết công việc.

4. Kết quả cung ứng dịch vụ hành chính công

- Kết quả đúng quy định.
- Kết quả có thông tin đầy đủ.
- Kết quả có thông tin chính xác.

5. Tiếp nhận, giải quyết góp ý, phản ánh, kiến nghị

Áp dụng đối với các trường hợp người dân, tổ chức đã thực hiện góp ý, phản ánh, kiến nghị liên quan đến việc cung ứng dịch vụ hành chính công. Các tiêu chí đo lường hài lòng về yếu tố này gồm:

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có bố trí hình thức tiếp nhận góp ý, phản ánh, kiến nghị.
- Người dân, tổ chức thực hiện góp ý, phản ánh, kiến nghị dễ dàng.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, xử lý các góp ý, phản ánh, kiến nghị tích cực.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có thông báo kết quả xử lý góp ý, phản ánh, kiến nghị kịp thời.

IV. QUY MÔ, PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Quy mô điều tra

Tổng số phiếu điều tra: 625 phiếu, cụ thể như sau:

- Các sở, ban, ngành tỉnh (Trừ các đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh, Ban Dân tộc, Sở Ngoại vụ, Thanh Tra tỉnh): 15 phiếu/đơn vị x 15 đơn vị = 225 phiếu.

- Cấp huyện:

+ UBND cấp huyện: 20 phiếu/huyện x 8 huyện = 160 phiếu

+ UBND cấp xã: 10 phiếu/xã x 3 xã x 8 huyện = 240 phiếu.

(Phân bổ cỡ phiếu điều tra đối với mỗi lĩnh vực/dịch vụ theo biểu đính kèm)

2. Phương pháp điều tra

Việc điều tra được tiến hành bằng cách hỏi trực tiếp ý kiến của người dân, tổ chức thông qua phiếu điều tra.

3. Tiến độ thực hiện

TT	Công việc thực hiện	Thời gian	Cơ quan thực hiện
1	Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương	Tháng 7/2020	Sở Nội vụ
2	Lựa chọn mẫu phiếu điều tra	Tháng 8/2020	Sở Nội vụ; Ủy ban MTTQ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh
3	Thực hiện việc phát và thu phiếu điều tra	Tháng 8/2020	Bưu điện tỉnh
4	Giám sát, kiểm tra, phúc tra việc điều tra xã hội học	Tháng 9/2020	Sở Nội vụ, Ủy ban MTTQ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh
5	Nhập dữ liệu, thống kê, phân tích, tổng hợp số liệu, các thông tin được đánh giá trong phiếu điều tra	Tháng 9 - 10/2020	Sở Nội vụ
6	Công bố chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2019	Tháng 11/2020	UBND tỉnh Lai Châu

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai, thực hiện Kế hoạch.

- Chọn cỡ mẫu phiếu điều tra, xây dựng phiếu điều tra, tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả điều tra và tham mưu cho UBND tỉnh công bố kết quả đo lường sự hài lòng của người dân, đại diện tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2020.

- Hợp đồng với Bưu điện tỉnh để triển khai điều tra xã hội học theo Kế hoạch.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh tổ chức thực hiện có hiệu quả việc triển khai đo lường sự hài lòng năm 2020 và tiến hành giám sát việc phát, thu phiếu điều tra xã hội học và phúc tra kết quả phát, thu phiếu điều tra xã hội học đối với tối thiểu 20% cỡ mẫu điều tra xã hội học.

- Lập dự toán kinh phí đo lường sự hài lòng gửi Sở Tài chính thẩm định.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định dự toán, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh

- Thông tin, tuyên truyền kịp thời, đầy đủ mục tiêu, yêu cầu các nội dung của việc điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức để đảm bảo cán bộ, công chức, viên chức: (i) Có nhận thức đủ về thực trạng cung ứng dịch vụ công nói chung và dịch vụ công thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan nói riêng; (ii) có thái độ, tác phong phục vụ người dân, tổ chức tốt trong thực thi công vụ; (iii) thực hiện cung ứng dịch vụ công có chất lượng tốt, hướng đến sự hài lòng của người dân, tổ chức.

- Trên cơ sở Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2019, xác định, thực hiện các giải pháp thiết thực, hiệu quả nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công cho người dân, tổ chức.

- Cung cấp kịp thời, đầy đủ, thông tin kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo nội dung yêu cầu của Sở Nội vụ.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Thông tin, tuyên truyền kịp thời, đầy đủ, mục tiêu, yêu cầu các nội dung của việc điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức, đảm bảo:

+ Cán bộ, công chức, viên chức: (i) Có nhận thức đủ về thực trạng cung ứng dịch vụ công của các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương; (ii) có thái độ, tác phong phục vụ người dân, tổ chức tốt trong thực thi công vụ; (iii) thực hiện cung ứng dịch vụ công có chất lượng tốt, hướng đến sự hài lòng của người dân, tổ chức.

+ Người dân, tổ chức: (i) Có nhận thức đủ về thực trạng cung ứng dịch vụ công của các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương; (ii) giám sát tích cực, phản hồi ý kiến chính xác, khách quan về việc cung ứng dịch vụ công của cơ quan hành chính nhà nước và nhu cầu, mong đợi của bản thân đối với dịch vụ công.

- Trên cơ sở Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2019, xác định, thực hiện các giải pháp thiết thực, hiệu quả nhằm tổ chức tốt hoạt động của Bộ phận Một cửa; nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công cho người dân, tổ chức; với cấp có thẩm quyền tiếp tục đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

- Cung cấp kịp thời, đầy đủ, thông tin kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo nội dung yêu cầu của Sở Nội vụ.

- Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị và các đơn vị cấp xã phối hợp, hỗ trợ điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2020.

- Chỉ đạo Phòng Nội vụ, các đơn vị có liên quan bố trí kinh phí, nhân lực cho hoạt động điều tra tại địa phương (bố trí lãnh đạo Phòng Nội vụ làm đầu mối liên lạc trong quá trình triển khai nhiệm vụ).

5. Bưu điện tỉnh Lai Châu

- Lập danh sách điều tra viên của đơn vị.

- Phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn, tập huấn cho điều tra viên của đơn vị để triển khai điều tra xã hội học về đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức năm 2020 của tỉnh Lai Châu.

- Nhận phiếu, phát phiếu, hướng dẫn người dân, tổ chức điền phiếu điều tra xã hội học, thu phiếu gửi Sở Nội vụ theo quy định.

- Lập danh sách kết quả phát, thu phiếu để phục vụ cho công tác giám sát và phúc tra kết quả điều tra xã hội học tại tỉnh.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Cựu Chiến binh tỉnh phối hợp với Sở Nội vụ để triển khai thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Kế hoạch.

7. Báo Lai Châu, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin cải cách hành chính tỉnh có trách nhiệm thông tin, tuyên truyền về nội dung, kết quả điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

8. Kinh phí triển khai, thực hiện Kế hoạch được bố trí từ Nguồn kinh phí cải cách hành chính được phê duyệt năm 2020. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật Ngân sách.

Trên đây là Kế hoạch Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2020. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để thống nhất thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Hội Cựu chiến binh tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Bureau Điện Tỉnh;
- Báo Lai Châu;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Thanh Hải

**DANH SÁCH LĨNH VỰC/DỊCH VỤ ĐƯỢC ĐIỀU TRA VÀ PHÂN BỐ
SỐ PHIẾU KHẢO SÁT ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH;
UBND CẤP HUYỆN, CẤP XÃ**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2020 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên đơn vị	Lĩnh vực/Dịch vụ	Cỡ mẫu
I	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH		225
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Lĩnh vực Đăng ký kinh doanh	10
		Lĩnh vực Đấu thầu	5
2	Sở Tài chính	Lĩnh vực Cấp mã số đơn vị QHNS	10
		Lĩnh vực Quản lý, sử dụng tài sản công	5
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo	10
		Lĩnh vực Văn bằng chứng chỉ	5
4	Sở Thông tin và Truyền thông	Lĩnh vực Báo chí	10
		Lĩnh vực Xuất bản	5
5	Sở Giao thông vận tải	Lĩnh vực Đổi giấy phép lái xe	10
		Lĩnh vực Cấp đổi phù hiệu, biển hiệu	5
6	Sở Khoa học và Công nghệ	Lĩnh vực Sáng kiến	10
		Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	5
7	Sở Công thương	Lĩnh vực Vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ	10
		Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	5
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Lĩnh vực Chính sách Lao động - Việc làm	10
		Lĩnh vực Giải quyết chế độ người có công	5
9	Sở Tư pháp	Lĩnh vực Công chứng	10
		Lĩnh vực Lý lịch tư pháp	5
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lĩnh vực Đất đai	10
		Lĩnh vực Môi trường	5
11	Sở Xây dựng	Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng	10
		Lĩnh vực Xây dựng	5
12	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Lĩnh vực Văn hóa	10

		Lĩnh vực Du lịch	5
13	Sở Nội vụ	Lĩnh vực Cán bộ, công chức, viên chức	10
		Lĩnh vực Thi đua khen thưởng	5
14	Sở Y tế	Lĩnh vực Khám chữa bệnh	10
		Lĩnh vực Dược phẩm - Mỹ phẩm	5
15	Sở Nông nghiệp và PTNT	Lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật	10
		Lĩnh vực Chăn nuôi và thú y	5
II	UBND CẤP HUYỆN, CẤP XÃ		400
1	Thành phố Lai Châu	Lĩnh vực Tài nguyên - Môi trường	15
		Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
	Phường Tân Phong (Đơn vị loại I)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5
	Phường Quyết Tiến (Đơn vị loại II, nơi có trụ sở hành chính của thành phố Lai Châu)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5
	Phường Quyết Thắng (Đơn vị loại III)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5
2	Huyện Mường Tè	Lĩnh vực Tài nguyên – Môi trường	15
		Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
	Xã Ka Lăng (Đơn vị loại I)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5
	Thị trấn Mường Tè (Đơn vị loại II, nơi có trụ sở hành chính của huyện Mường Tè)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5
	Xã Bum Nua (Đơn vị loại II)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5
3	Huyện Nậm Nhùn	Lĩnh vực Tài nguyên – Môi trường	15
		Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
	Xã Hua Bum (Đơn vị loại I)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5
	Thị trấn Nậm Nhùn (Đơn vị loại II, nơi có trụ sở hành chính của huyện Nậm Nhùn)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5

	Xã Lê Lợi (Đơn vị loại II)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5
4	Huyện Phong Thổ	Lĩnh vực Tài nguyên – Môi trường	15
		Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
	Xã Bản Lang (Đơn vị loại I)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5
	Thị trấn Phong Thổ (Đơn vị loại II, nơi có trụ sở hành chính của huyện Phong Thổ)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5
	Xã Hoang Thèn (Đơn vị loại II)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5
5	Huyện Sìn Hồ	Lĩnh vực Tài nguyên – Môi trường	15
		Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
	Xã Nậm Hăn (Đơn vị loại I)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5
	Thị trấn Sìn Hồ (Đơn vị loại II, nơi có trụ sở hành chính của huyện Sìn Hồ)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội;	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5
	Xã Căn Co (Đơn vị loại II)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5
6	Huyện Tam Đường	Lĩnh vực Tài nguyên – Môi trường	15
		Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
	Xã Bản Bo (Đơn vị loại I)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5
	Thị trấn Tam Đường (Đơn vị loại II, nơi có trụ sở hành chính của huyện Tam Đường)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5
	Xã Bản Giang (Đơn vị loại II)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5
7	Huyện Tân Uyên	Lĩnh vực Tài nguyên – Môi trường	15
		Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
	Thị trấn Tân Uyên (Đơn vị loại I, nơi có trụ sở hành chính của huyện Tân Uyên)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5

	Xã Mường Khoa (Đơn vị loại I)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5
	Xã Hố Mít (Đơn vị loại II)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5
8	Huyện Than Uyên	Lĩnh vực Tài nguyên – Môi trường	15
		Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
	Xã Mường Cang (Đơn vị loại I)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5
	Thị trấn Than Uyên (Đơn vị loại II, nơi có trụ sở hành chính của huyện Than Uyên)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5
	Xã Hua Nà (Đơn vị loại II)	Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội	5
		Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	5

Lưu ý: Trường hợp dịch vụ được chọn không có đủ cỡ mẫu, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết.